

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 51/2021/TLST-KDTM ngày 21/10/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ trụ sở chính: số 2 Láng H, phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1986 - Chức vụ: Nhân viên pháp chế - Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 148/NHN-TSG-KTKSNB ngày 09/6/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn).

2. Bị đơn: Công ty T (Mã số doanh nghiệp: 0313593326); Địa chỉ trụ sở chính: 214/7 đường Nguyễn V, phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị H - Chức danh: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị Đ, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 46/11C khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà Đức: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1978 – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận Công ty T (Mã số doanh nghiệp: 0313593326) còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/8/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 6320-LAV-201901044 ngày 22/10/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp

đồng tín dụng số 6320-LAV-201901044-1 ngày 22/11/2019 là 14.889.381.703 đồng (*Mười bốn tỷ tám trăm tám mươi chín triệu ba trăm tám mươi một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 11.800.000.000 đồng (*Mười một tỷ tám trăm triệu đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn: 1.852.050.411 đồng (*Một tỷ tám trăm năm mươi hai triệu không trăm năm mươi ngàn bốn trăm mười một đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: 894.450.411 đồng (*Tám trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn bốn trăm mười một đồng*).

+ Lãi chậm trả: 342.880.882 đồng (*Ba trăm bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn tám trăm tám mươi hai đồng*).

Ngân hàng N đồng ý để Công ty T trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/8/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 6320-LAV-201901044 ngày 22/10/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 6320-LAV-201901044-1 ngày 22/11/2019 là 14.889.381.703 đồng (*Mười bốn tỷ tám trăm tám mươi chín triệu ba trăm tám mươi một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng*) trong thời hạn 02 (hai) tháng, hạn cuối trả nợ là ngày 26/10/2022.

Ngoài ra, kể từ ngày 27/8/2022, Công ty T còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng N theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6320-LAV-201901044 ngày 22/10/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 6320-LAV-201901044-1 ngày 22/11/2019 cho đến khi Công ty T trả xong khoản nợ trên.

Ngay sau khi Công ty T thanh toán hết số nợ gốc và lãi thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại cho bà Cao Thị Đ toàn bộ bản chính các tài liệu gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 01332/2003 do UBND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2003 cho ông Cao Văn D, bà Châu Thị M (đã cập nhật đăng bộ sang tên bà Cao Thị Đ ngày 17/7/2014);

- Thông báo về việc nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số HS20143695/TB-CCT-TBA ngày 26/7/2014 của Chi cục thuế Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Công ty T vi phạm việc thanh toán số nợ trên hoặc không thanh toán đầy đủ số nợ trên theo đúng thời hạn đã cam kết hạn cuối vào ngày 26/10/2022, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 311,2m², diện tích xây dựng: 209,2m² thuộc thửa đất số 135-1; tờ bản đồ số 2A (sơ đồ nền) tại địa chỉ 46/11 Khu phố 1, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 01332/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2003 cho ông Cao Văn D, bà Châu Thị M (đã cập nhật đăng bộ sang tên bà Cao Thị Đ ngày 17/7/2014) theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 6320-LCP-201900925 tại Văn phòng công

chứng Nguyễn Văn Một vào ngày 22/10/2019, số công chứng: 008511, Quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của Công ty T mà vẫn còn dư thì bà Cao Thị Đ được nhận số tiền dư này.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ tiền trả nợ thì Công ty T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong.

Về án phí: Công ty T phải chịu là 61.444.691 đồng (*Sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm chín mươi một đồng*).

Hoàn lại Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.407.648 đồng (*Sáu mươi triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm bốn mươi tám đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0013549 ngày 21/10/2021 và 963.824 đồng (*Chín trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0014693 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Sang.TK).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân